

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN TỔ HỢP TÁC, HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT	THUYẾT MINH
Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 các Điều 7, 8, 9, 10, 11, 12, 15, 16 và khoản 4 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã</p> <p>2. Đối tượng áp dụng a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, tổ chức hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã và đang hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ. b) Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ. c) Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân</p>	<p>Việc xác định phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết dựa trên các căn cứ sau:</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: Tiêu chí lựa chọn, đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ, nguồn kinh phí và tổ chức thực hiện chính sách của Nhà nước về hỗ trợ phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Điều 2 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: a) Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. b) Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. c) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p>

	có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.	
Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ và tình hình thực tế của thành phố	Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ 1. Việc hỗ trợ đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng, hiệu quả, đúng mục đích, không trùng lặp. 2. Đối tượng hỗ trợ phải đáp ứng tiêu chí thụ hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP và các quy định có liên quan theo từng nội dung hỗ trợ. 3. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị quy định tại Quy định này chỉ hỗ trợ một lần/tổ hợp tác/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã. 3. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể thì phần giá trị tài sản được hình thành từ khoản hỗ trợ của Nhà nước được chuyển cho chính quyền địa phương nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký quản lý (trường hợp phần tài sản còn thời gian khấu hao). 4. Các nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết này nếu có văn bản khác của cấp có thẩm quyền cùng điều chỉnh thì đối tượng hỗ trợ chỉ được hưởng mức cao nhất của một trong các chính sách hiện hành.	Việc xác định nguyên tắc hỗ trợ của dự thảo Nghị quyết dựa trên tình hình thực tế của thành phố và quy định tại Điều 6 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.
Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 và Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11	Điều 3. Đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ 1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. b) Mức hỗ trợ: - Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng	Việc xác định đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ của dự thảo Nghị quyết dựa trên các căn cứ sau: 1. Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP b) Mức hỗ trợ: Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: <i>“3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</i>

<p>tháng 6 năm 2025 của Chính phủ</p>	<p>cao năng lực.</p> <p>- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí chi trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng nơi tổ chức khóa đào tạo, bồi dưỡng/01 tháng/01 thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia khóa đào tạo, bồi dưỡng trong nước. Trường hợp khóa đào tạo, bồi dưỡng có thời gian dưới 01 tháng thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia (26 ngày/01 tháng).</p> <p>Đối với khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Nhà nước hỗ trợ như đối với cán bộ, công chức, viên chức.</p> <p>- Ngân sách nhà nước chi trả 100% kinh phí đối với công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, Liên minh hợp tác xã thành phố, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng.</p> <p>- Ngân sách thành phố hỗ trợ cho mỗi lao động làm việc tại tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 7 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ; hỗ trợ tối đa không quá 03 năm (36 tháng)/lao động và tối đa 02 lao động/tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.</p> <p>2. Chính sách hỗ trợ thông tin</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:</p>	<p>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% chi phí xây dựng, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao năng lực;</p> <p>b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí chi trả học phí, tài liệu học tập theo quy định của cơ sở đào tạo; hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng nơi tổ chức khóa học cho thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia khóa học trong nước. Đối với khóa bồi dưỡng ở nước ngoài, thành viên, người lao động trong tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Nhà nước hỗ trợ như đối với cán bộ, công chức, viên chức;</p> <p>c) Ngân sách nhà nước chi trả 100% kinh phí đối với công chức, viên chức cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam, các hiệp hội, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng;</p> <p>d) Ngân sách địa phương hỗ trợ cho mỗi lao động làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này hàng tháng ít nhất bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ;</p> <p>đ) <i>Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật”.</i></p> <p>1. Chính sách hỗ trợ thông tin</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy</p>
---------------------------------------	--	---

	<p>Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.</p> <p>3. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.</p> <p>4. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên</p>	<p>định tại các khoản 1, 2 Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: “3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này; b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật”.</p> <p>3. Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: “3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật”.</p> <p>4. Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên</p>
--	--	---

	<p>hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.</p> <p>5. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.</p>	<p>liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: <i>“3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này; b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật”.</i></p> <p>5. Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: <i>“3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này; b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật”.</i></p>
--	---	---

<p>6. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước do các sở, ban ngành, địa phương tổ chức; hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/01 tháng kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể, thời gian hỗ trợ không quá 02 năm. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tham gia tham gia diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ 100% kinh phí lần đầu đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử.</p> <p>7. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP. Đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp: ngoài nội dung hỗ trợ</p>	<p>6. Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 12 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: “3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm trong nước; kinh phí thuê địa điểm và vận hành một số điểm giới thiệu, bán sản phẩm của các tổ chức kinh tế tập thể; b) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài; tổ chức diễn đàn kinh tế tập thể; hỗ trợ việc đăng ký chứng nhận chất lượng, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; xây dựng và triển khai sàn giao dịch thương mại điện tử; c) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan; trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật”.</p> <p>7. Chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 13 và điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p>
--	---

	<p>nêu trên còn được hỗ trợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Hình thức hỗ trợ: Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>c) Mức hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 90% trên tổng mức đầu tư của dự án. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đối ứng phần kinh phí còn lại của dự án.</p> <p>d) Quy trình tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị sử dụng vốn đầu tư công: Quy trình tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị sử dụng vốn đầu tư công do Ủy ban nhân dân thành phố quản lý được quy định theo khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 125/2025/NĐ-CP).</p> <p>đ) Phương thức thực hiện hỗ trợ và cơ chế quản lý sau đầu tư: Theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>8. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ:</p>	<p>b) Hình thức hỗ trợ: Phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP</p> <p>c) Mức hỗ trợ: Điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định: “4. Hình thức hỗ trợ và mức hỗ trợ: a)..... Vốn đầu tư công hỗ trợ tối đa 100% tổng mức đầu tư của dự án, mức vốn hỗ trợ cụ thể cho từng dự án do cấp quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp quyết định đầu tư đối với trường hợp dự án không phải phê duyệt chủ trương đầu tư xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối vốn đầu tư công trong từng thời kỳ”.</p> <p>d) Quy trình tổng hợp nhu cầu hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị sử dụng vốn đầu tư công: Phù hợp theo quy định theo khoản 1, 2 Điều 39 Nghị định 125/2025/NĐ-CP.</p> <p>đ) Phương thức thực hiện hỗ trợ và cơ chế quản lý sau đầu tư: Phù hợp theo quy định tại khoản 9 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>8. Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro</p> <p>a) Đối tượng và nội dung hỗ trợ: Phù hợp theo quy</p>
--	--	---

	<p>Theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện.</p>	<p>định tại các khoản 1, 2 Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p> <p>b) Mức hỗ trợ: Khoản 3 Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định:</p> <p><i>3. Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:</i></p> <p><i>a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Điều này;</i></p> <p><i>b) Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện từng chính sách do bộ, cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân các cấp xem xét, quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định phù hợp với định hướng ưu tiên và khả năng cân đối nguồn lực trong từng thời kỳ và quy định của pháp luật.</i></p>
<p>Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 và Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ</p>	<p>Điều 4. Quy trình hỗ trợ</p> <p>Theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 17 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP và khoản 1, 2 Điều 40 Nghị định 125/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Việc xác định quy trình hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều 17 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP và khoản 1, 2 Điều 40 Nghị định 125/2025/NĐ-CP.</p>
<p>Căn cứ Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của</p>	<p>Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện</p> <p>1. Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương bố trí vốn đầu tư phát triển trong kế hoạch vốn đầu tư trung hạn và kinh phí sự nghiệp theo từng giai đoạn.</p> <p>2. Kinh phí lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia theo từng giai đoạn.</p>	<p>Việc xác định nguồn kinh phí thực hiện đảm bảo phù hợp với việc sử dụng ngân sách địa phương và quy định tại Nghị định số 113/2024/NĐ-CP.</p>

Chính phủ	3. Kinh phí vận động, huy động từ các nhà tài trợ nước ngoài, các tổ chức quốc tế và kinh phí hợp pháp khác.	
Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15	Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp Đối với những hợp tác xã đang được hỗ trợ kết cấu hạ tầng theo các chính sách của giai đoạn 2021 – 2025 thì được tiếp tục thực hiện theo quy định của chính sách đó cho đến khi dự án hoàn thành, kết thúc dự án.	Việc xác định nội dung điều khoản chuyển tiếp được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15.
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ	Điều 7. Tổ chức thực hiện 1. Hội đồng nhân dân giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định. 2. Hội đồng nhân dân giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.	Quy định trách nhiệm của các chủ thể có liên quan trong việc thi hành Nghị quyết.
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15	Điều 8. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026. 2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	Quy định hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

